

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI



QUY TRÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC VỆ SINH TAY VÀ SỬ DỤNG GĂNG TRONG KHÁM CHỮA BỆNH QT.50.HT

	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	CNĐĐ. Lê Văn Tân	BSCKI. Đỗ Thị Huệ	Ths. Phạm Văn Thinh
Ký			

Quy trình triển khai công tác vệ sinh tay và sử dụng găng trong khám chữa bệnh
QT.50.HT

	QUY TRÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC VỆ SINH TAY VÀ SỬ DỤNG GĂNG TRONG KHÁM CHỮA BỆNH	Mã số: QT.50.HT Ngày ban hành: 15/12/2020 Lần ban hành: 01 Lần sửa đổi: 00
---	---	--

1. Người có liên quan phải nghiên cứu và thực hiện đúng các nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực thi hành như sự chỉ đạo của Giám đốc bệnh viện.
3. Mỗi khoa, phòng được phát 01 bản (có đóng dấu kiểm soát). Các khoa, phòng khi có nhu cầu bổ sung thêm tài liệu, đề nghị liên hệ với Tổ QLCL để có bản đóng dấu kiểm soát. Cán bộ viên chức, người lao động được cung cấp file mềm trên mạng nội bộ để chia sẻ thông tin khi cần.

NOI NHẬN (ghi rõ nơi nhận rồi đánh dấu ✓ ô bên cạnh)

<input checked="" type="checkbox"/>	Ban giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Dinh dưỡng	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Tai mũi họng
<input checked="" type="checkbox"/>	P.Tổ chức cán bộ	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Hoá sinh - Ví sinh	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Răng hàm mặt
<input checked="" type="checkbox"/>	P.KHTH - Tổ QLCL	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Huyết học truyền máu	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Da liễu
<input checked="" type="checkbox"/>	P.Tài chính kế toán	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Chẩn đoán hình ảnh	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Nội tổng hợp
<input checked="" type="checkbox"/>	P.Hành chính quản trị	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Thăm dò chức năng	<input checked="" type="checkbox"/>	Trung tâm Tim mạch
<input checked="" type="checkbox"/>	P.Đào tạo và Chỉ đạo tuyến	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Kiểm soát nhiễm khuẩn	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Nội hô hấp - Nội tiết - Nội C
<input checked="" type="checkbox"/>	P.ĐD - Tổ CTXH	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Giải phẫu bệnh	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Y học cổ truyền
<input checked="" type="checkbox"/>	P.Vật tư - Thiết bị y tế	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Ngoại tổng hợp	<input checked="" type="checkbox"/>	Trung tâm Ung bướu
<input checked="" type="checkbox"/>	K.Dược	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Ngoại chấn thương	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Tâm thần
<input checked="" type="checkbox"/>	K.Khám bệnh	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Ngoại tiết niệu	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Thần kinh
<input checked="" type="checkbox"/>	K.Cấp cứu	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Sản	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Truyền nhiễm
<input checked="" type="checkbox"/>	K.Gây mê hồi sức	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Nhi	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Lao
<input checked="" type="checkbox"/>	K. Hồi sức tích cực - Thận nhân tạo	<input checked="" type="checkbox"/>	K.Mắt	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Phục hồi chức năng
<input checked="" type="checkbox"/>	PK Cán bộ				

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI (tình trạng sửa đổi so với bản trước đó)

Trang	Hạng mục sửa đổi	Tóm tắt nội dung hạng mục sửa đổi

I. MỤC ĐÍCH

Quy trình nhằm thống nhất thủ tục, trình tự, chương trình vệ sinh tay và sử dụng găng tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Mọi người trong bệnh viện bao gồm: nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, học viên.

III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

3.1. Bộ y tế:

- Thông tư số 16/2018/TT-BYT Quy định về Kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, trùa bệnh, ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2018.
- Quyết định Số: 3916/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2017 “Hướng dẫn vệ sinh tay trong các cơ sở khám bệnh chữa bệnh”.

3.2. Bệnh viện Bạch Mai: “Quy định thực hành vệ sinh tay” ban hành ngày 31 tháng 05 năm 2009.

3.3. Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai:

- Quyết định số 651/QĐ-BVTcủa Giám đốc bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai ngày 09/9/2013 về việc ban hành “Quy định kiểm soát nhiễm khuẩn” được áp dụng tại bệnh viện đa khoa tỉnh.

- Quy định KSNK năm 2019 BVĐK tỉnh Lào Cai

IV. THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

4.1 GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

- Vệ sinh tay: Là thuật ngữ chung để chỉ hoặc rửa tay bằng xà phòng trung tính, rửa tay bằng một dung dịch khử khuẩn, hoặc chà tay bằng một chế phẩm vệ sinh tay chứa cồn.

- Rửa tay: Rửa tay với nước và xà phòng trung tính (không chứa chất khử khuẩn)

- Rửa tay khử khuẩn: Rửa tay với nước và xà phòng chứa chất khử khuẩn

- Trà tay khử khuẩn: Trà toàn bộ bàn tay với một chế phẩm vệ sinh tay chứa cồn (không dùng nước) nhằm làm giảm lượng vi khuẩn có trên bàn tay. Những chế phẩm cồn vệ sinh tay thường chứa 60% đến 90% cồn ethanol hoặc isopropanol hoặc kết hợp hai loại cồn này.

4.2 Từ viết tắt:

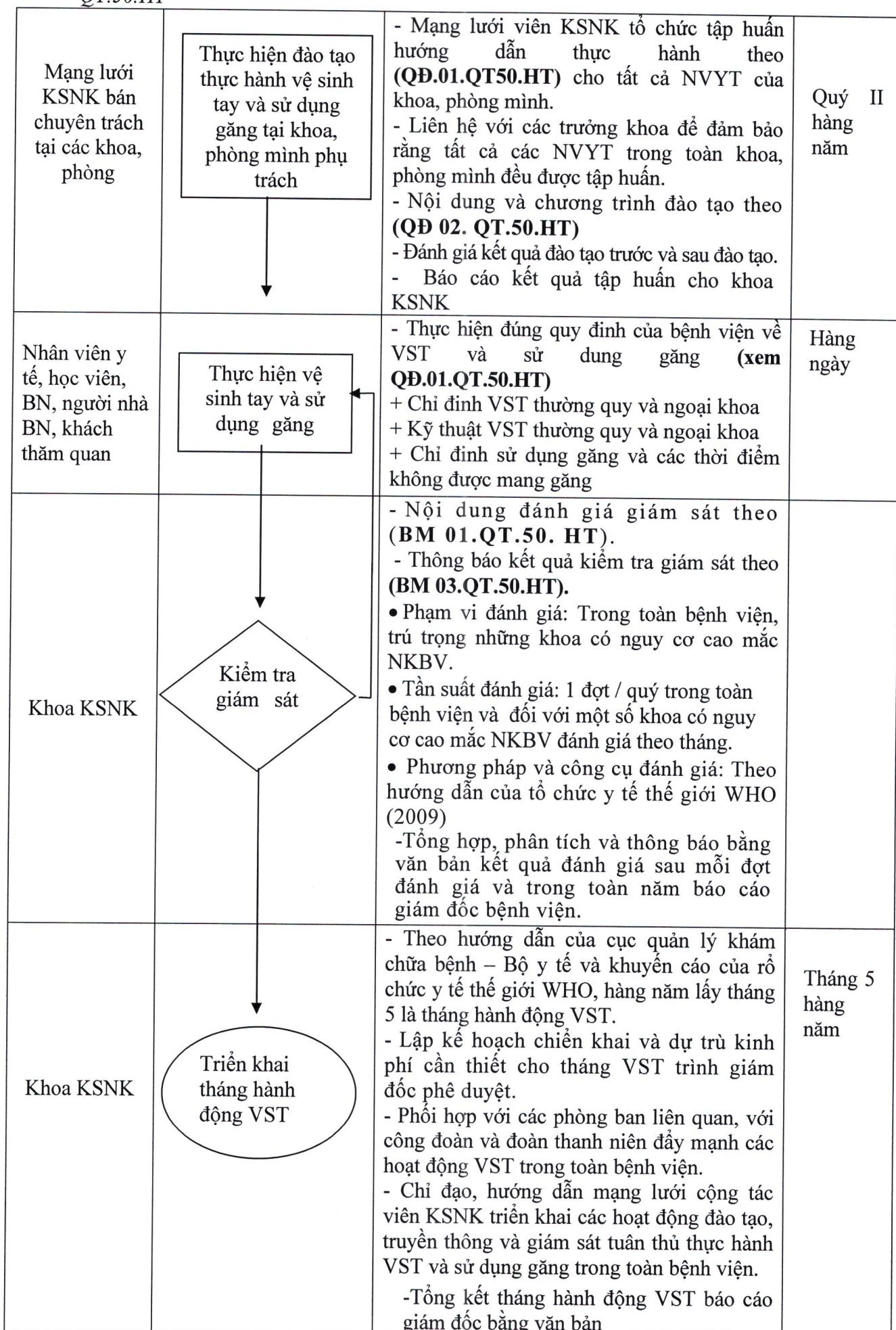
- BN: Bệnh nhân
- KHTH: Kế hoạch tổng hợp
- KSNK: Kiểm soát nhiễm khuẩn
- NKBV: Nhiễm khuẩn bệnh viện
- NVYT: Nhân viên y tế
- VST: Vệ sinh tay

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1 Sơ đồ quy trình đánh giá nội bộ HTQLCL và họp xem xét của Lãnh đạo

Trách nhiệm	Các bước thực hiện	Mô tả/Tài liệu liên quan	Thời gian
Lãnh đạo khoa	Xây dựng và định kỳ xem xét sửa đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào các văn bản liên quan của bộ y tế, xây dựng quy định VST và sử dụng găng phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu chuyên môn của bệnh viện trình hội đồng KSNK và Giám đốc bệnh viện xem xét và ban hành. - Định kì hàng năm và khi cần thiết xem xét đề xuất hội đồng KSNK và Giám đốc bệnh viện xem xét bổ sung điều chỉnh quy định sao cho phù hợp với thực tế. 	
Khoa KSNK	<p>Thực hiện đào tạo lý thuyết và thực hành</p> <p>Đánh giá phương tiện VST toàn viện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đào tạo theo quy trình đào tạo. (xem QT.40.HT) - Khoa KSNK phối hợp với Phòng Đào tạo chỉ đạo tuyển tổ chức tập huấn - Liên hệ với các trưởng khoa để bảo đảm rằng tất cả nhân viên đều được tập huấn. - Nội dung chương trình đào tạo theo (xem QĐ.02. QT.50.HT) - Đánh giá kết quả trước và sau đào tạo. 	Không quá 2 ngày
Khoa, phòng có sử dụng phương tiện VST	Lập dự trù phương tiện VST	<ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 1lần/ năm cùng thành viên mạng lưới KSNK đánh giá phương tiện VST trong toàn bệnh viện (căn cứ vào QĐ.01.QT.50.HT). - Nội dung đánh giá (BM 02.QT.50.HT) 	Không quá 7 ngày
Khoa KSNK	Trang bị phương tiện vệ sinh tay	<ul style="list-style-type: none"> - Lập dự trù phương tiện VST (xà phòng rửa tay, cồn khử khuẩn tay, giá treo bình hóa chất VST và khăn lau tay) gửi cho khoa KSNK. 	Không quá 1 ngày
Phòng hành chính quản trị, phòng truyền thông	Trang bị phương tiện truyền thông về vệ sinh tay và sử dụng găng	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa KSNK cấp phát phương tiện VST theo nhu cầu của các khoa, phòng trong toàn bệnh viện. - Danh mục phương tiện vệ sinh tay (xem QĐ.01.QT.50.HT) 	Không quá 7 ngày
		<ul style="list-style-type: none"> - Các phương tiện truyền thông về VST gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Quy trình VST thường quy • Quy trình VST ngoại khoa • 5 thời điểm vệ sinh tay • Những thời điểm không sử dụng găng - Các phương tiện truyền thông khác 	Theo đề xuất của khoa KSNK và các khoa, Phòng

Quy trình triển khai công tác vệ sinh tay và sử dụng găng trong khám chữa bệnh
QT.50.HT



Quy trình triển khai công tác vệ sinh tay và sử dụng găng trong khám chữa bệnh
QT.50.HT

5.2. Các rủi ro chính

STT	Rủi ro chính có thể xảy ra	Tần xuất xuất hiện (*)			Mức độ ảnh hưởng (**)			Biện pháp đối phó
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Lớn	Vừa	Nhỏ	
1	Dị ứng với dung dịch VST		X			X		Chuyển dùng hóa chất VST khác và điều trị dị ứng
2	Thiếu phương tiện, dụng cụ, dung dịch VST			X	X			Thường xuyên kiểm tra đánh giá phương tiện VST và dự trù bổ xung kịp thời
3	Người đánh giá Bỏ sót cơ hội VST	X			X			Hướng dẫn kỹ phương pháp đánh giá trước khi đi đánh giá
4	Điền biểu mẫu đánh giá VST nhầm		X			X		Hướng dẫn kỹ phương pháp đánh giá trước khi đi đánh giá

VI. HỒ SƠ

T T	Tên hồ sơ lưu	Mã hiệu	Người lưu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Quy định vệ sinh tay và sử dụng găng	QĐ.01.QT.50.HT	HC các khoa, phòng	Các khoa, phòng trong toàn viện	5 năm
2	Nội dung chương trình đào tạo về VST và sử dụng găng	QĐ.02.QT.50.HT	HC các khoa, phòng	Các khoa, phòng trong toàn viện	5 năm
3	Quy định sử dụng hóa chất vệ sinh tay	QĐ.03.QT.50.HT	HC các khoa, phòng	Các khoa, phòng trong toàn viện	5 năm
4	Phương pháp và công cụ đánh giá tuân thủ VST và sử dụng găng	BM.01.QT.50.HT	Tổ GS khoa KSNK	Khoa KSNK	3 năm
5	Báo cáo kết quả công tác triển khai VST	BM.03.QT.50.HT	Tổ GS khoa KSNK	Khoa KSNK	3 năm
6	Phiếu đánh giá tác dụng phụ của hóa chất VST	BM.04.QT.50.HT	Tổ GS khoa KSNK	Khoa KSNK	3 năm
7	Phiếu đánh giá phương tiện vệ sinh tay	BM.02.QT.50.HT	Tổ GS khoa KSNK	Khoa KSNK	3 năm



Quy trình triển khai công tác vệ sinh tay và sử dụng găng trong khám chữa bệnh
QT.50.HT

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1	Quy định vệ sinh tay và sử dụng găng	QĐ.01.QT.50.HT
Phụ lục 2	Nội dung đào tạo về VST và sử dụng găng	QĐ.02.QT.50.HT
Phụ lục 3	Quy định quản lý và sử dụng hóa chất vệ sinh tay	QĐ.03.QT.50.HT
Phụ lục 4	Phiếu giám sát tuân thủ vệ sinh tay	BM.01.QT.50.HT
Phụ lục 5	Phiếu đánh giá phương tiện vệ sinh tay	BM.02.QT.50.HT
Phụ lục 6	Kết quả đánh giá tuân thủ VST.	BM.03.QT.50.HT
Phụ lục 7	Phiếu đánh giá tác dụng phụ của hóa chất VST	BM.04.QT.50.HT





PHIẾU GIÁM SÁT TUÂN THỦ VỆ SINH TAY

BM.01.QT.50.HT

Khoa: Ngày giám sát:/...../.....

Tên giám sát viên:

Giờ bắt đầu/ kết thúc:/.....

Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV			Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV		
Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật	Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật
1	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6	2	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6
Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV			Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV		
Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật	Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật
3	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6	4	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6
Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV			Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV		
Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật	Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật
5	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6	6	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6
Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV			Chức danh	1. BS; 2. ĐĐ ; 3. KTV; 4.NHS; 5. HL; 6. HV		
Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật	Cơ hội	Chỉ định	T. hành VST	Kỹ thuật
7	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6	8	<input type="checkbox"/> T.BN <input type="checkbox"/> T.VK <input type="checkbox"/> S.dịch <input type="checkbox"/> S.BN <input type="checkbox"/> S.XQBN	<input type="checkbox"/> C <input type="checkbox"/> N <input type="checkbox"/> K.VST <input type="checkbox"/> Găng	<input type="checkbox"/> Bước 1 <input type="checkbox"/> Bước 2 <input type="checkbox"/> Bước 3 <input type="checkbox"/> Bước 4 <input type="checkbox"/> Bước 5 <input type="checkbox"/> Bước 6

Ghi chú:

1. Các chữ viết tắt: BS= Bác sĩ; ĐD= Điều dưỡng; NHS = Nữ hộ sinh; KTV = Kỹ thuật viên; HL = Hộ lý; HV = Học sinh; BN = Bệnh nhân; C = Côn; N = Nước; T.BN = Trước khi tiếp xúc BN; T.VK = Trước thực hiện thao tác vô khuẩn; S.dịch = Sau khi tiếp xúc với máu dịch; S.BN = Sau khi tiếp xúc BN; S.XQBN= Sau khi tiếp xúc xung quanh BN; C= côn; N= nước; K. VST = Không vệ sinh tay.

2. Hướng dẫn cách điền phiếu: - Chức danh: khoanh tròn vào BS, ĐD, NHS, KTV

- Quan sát và điền (X, hoặc V) vào ô vuông nếu thực hiện đúng, không thực hiện hoặc thực hiện sai không điền vào ô vuông.

- Tối thiểu mỗi buổi đánh giá được 5 cơ hội.





PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG TIỆN VỆ
SINH TAY

BM.02.QT.50.HT

Khoa:.....

Số GB..., số BN hiện có... số NV hiện có... số học sinh hiện....

Ngày đánh giá.....

- Đánh giá phương tiện rửa tay tại các khu vực: Buồng tiêm, Khám bệnh, HC, Thủ thuật.

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
Buồng Bệnh			
1	Số buồng		
	Số lavabo LVB rửa tay		
	Số lavabo LVB được trang bị nước sạch		
	Số lavabo LVB được trang bị vòi nước có cần gạt		
	Số lavabo LVB được trang bị XP bánh/DDXP/HCKK		
	Số lavabo LVB được trang bị khăn lau tay dùng một lần		
	Số lavabo LVB được trang bị tờ hướng dẫn quy trình RT		
Buồng Thủ thuật(tiểu phẫu,buồng đẻ,nạo thai,....)			
2	Số buồng		
	Số lavabo LVB rửa tay		
	Số lavabo LVB được trang bị nước sạch		
	Số lavabo LVB được trang bị vòi nước có cần gạt		
	Số lavabo LVB được trang bị XP bánh/DDXP/HCKK		
	Số lavabo LVB được trang bị khăn lau tay dùng một lần		
	Số lavabo LVB được trang bị tờ hướng dẫn quy trình RT		
Khu Hành chính			
3	Số buồng		
	Số lavabo LVB rửa tay		
	Số lavabo LVB được trang bị nước sạch		
	Số lavabo LVB được trang bị vòi nước có cần gạt		
	Số lavabo LVB được trang bị XP bánh/DDXP/HCKK		
	Số lavabo LVB được trang bị khăn lau tay dùng một lần		
	Số lavabo LVB được trang bị tờ hướng dẫn quy trình RT		

2 Đánh giá phương tiện phục vụ khử khuẩn bàn tay bằng cồn

Địa điểm	Số lượng	Số được trang bị cồn KK	Số được trang bị móc treo	Ghi chú
Xe tiêm				
Xe thủ thuật				
Giường bệnh				
Khác				

Xác nhận của khoa

(Ký tên)

Người kiêm tra

(Ký tên)



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ RỬA TAY

BM.03.QT.50.HT

Khoa:.....

Thời gian thực hiện từ ngày.....đến ngày.....

Số nhân viên y tế....trong đó bác sĩ.....điều dưỡng.....NHS....KTV...YT.... Tổng số cơ hội quan sát được:.....

phương tiện rửa tay : Cồn La bô

1. Tỷ lệ % tuân thủ rửa tay.

Cơ hội rửa tay quan sát được

$$\text{Tỷ lệ \%} = \frac{\text{Tổng số cơ hội cần rửa tay}}{\text{Tổng số cơ hội cần rửa tay}} \times 100 = \%$$

2. Xác định tỷ lệ tuân thủ rửa tay đúng kỹ thuật theo đối tượng nhân viên y tế trong khoa.

Đối tượng	Số cơ hội quan sát được	Số cơ hội cần rửa tay	Số cơ hội không rửa tay	Số cơ hội có tuân thủ đúng quy trình 6 bước	Tỷ lệ %
Bác sĩ					
ĐD,KTV,NHS					
KHác					
Tổng					

3. Tổng số cơ hội quan sát được có tuân thủ rửa tay đúng theo 5 chỉ định và kỹ thuật 6 bước.

Chỉ định	Số cơ hội quan sát được				Số cơ hội quan sát được tuân thủ đúng kỹ thuật 6 bước					
	TS	Cồn	Nước	K. VST	B1	B2	B3	B4	B5	B6
Trước khi tiếp xúc với BN										
Trước các thủ thuật vô khuẩn										
Sau khi tiếp xúc với máu, dịch										
Sau khi tiếp xúc với BN										
Sau khi tiếp xúc xung quanh BN										
Tổng										

Người báo cáo



PHIẾU ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG PHỤ CỦA
HÓA CHẤT VST

BM.04.QT.50.HT

1. Khoa:
2. Tên hóa chất sử dụng:
3. Thời gian sử dụng:/...../..... đến/...../.....
4. Ngày đánh giá:/...../.....
5. Họ tên người sử dụng:
6. Nghề nghiệp:
7. Biểu hiện tác dụng phụ ở bàn tay: Đánh giá các biểu hiện ở bảng dưới theo 5 mức độ:
 - + Không thấy (1 điểm): Không thấy biểu hiện tác dụng phụ sau 15 ngày sử dụng.
 - + Có, nhẹ (2 điểm): Có biểu hiện, nhưng không thường xuyên.
 - + Có, vừa (3 điểm): Có biểu hiện thường xuyên, nhưng không phải dùng thuốc điều trị.
 - + Có, rõ (4 điểm): Có biểu hiện thường xuyên và phải dùng thuốc điều trị.
 - + Có, rất rõ (5 điểm): Biểu hiện nặng, phải điều trị chuyên khoa.

Cảm quan	Không thấy	Nhẹ	Vừa	Rõ	Rất rõ
Ngứa					
Nóng rát					
Đỏ ửng					
Khô da					
Sần da					
Da trơn, nhờn					
Cảm giác dính da					

8. Biểu hiện tác dụng phụ toàn thân: Có; Không

Nếu có, mô tả rõ triệu chứng:

.....
.....
.....
.....
.....

Người đánh giá
(Ký tên)

Người thông báo
(Ký tên)